

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-ST

Ngày: 05-11-2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hùng Vương.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Mai Văn Công.

2. Ông Nguyễn Đức Tân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 05 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị N - Sinh năm 1957 - Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ C - Sinh năm 1968 - Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn ĐT, huyện H, tỉnh Long An. (Có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17-8-2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị N trình bày và yêu cầu:

Ngày 17-5-2019 bà Nguyễn Thị Mỹ C vay của bà 50.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 5%/tháng và mượn 700.000 đồng để trả tiền lãi cho người khác; Đến ngày 17-6-2019 bà C vay thêm 37.500.000 đồng, lãi suất 3%/tháng; Khi vay thỏa thuận thời hạn trả là vài tháng khi chồng bà C lãnh tiền trả, nhưng sau khi chồng bà C chết đến nay bà C vẫn không trả. Từ khi vay đến nay, bà C chỉ trả được 02 tháng tiền lãi của số

tiền 50.000.000 đồng (5.000.000 đồng). Từ 17-8-2019 đến nay bà C không có trả tiền gốc và lãi. Bà đã nhiều lần yêu cầu bà C trả tiền, nhưng bà C không trả.

Bà yêu cầu bà C trả cho bà 105.075.000 đồng, trong đó: 87.500.000 đồng tiền vay gốc, 700.000 đồng tiền mượn và 16.875.000 đồng tiền lãi, số tiền lãi gồm: 9.000.000 đồng (50.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 12 tháng từ ngày 17-8-2019 đến ngày 17-8-2020) và 7.875.000 đồng (37.500.000 đồng x 1,5%/tháng x 14 tháng từ ngày 17-6-2019 đến ngày 17-8-2020). Bà không yêu cầu tính lãi từ ngày 17-8-2020 đến nay.

- Tại Bản tự khai ngày 26-10-2020, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn là Nguyễn Thị Mỹ C trình bày:

Ngày 17-5-2018, bà vay của bà N 50.000.000 đồng, lãi suất 10%/tháng và có mượn thêm 700.000 đồng, thỏa thuận vài tháng chồng bà lãnh tiền sẽ trả, nhưng sau đó chồng bà bị tai nạn giao thông chết, gia đình khó khăn nên không có điều kiện trả. Bà đã trả lãi hàng tháng đến ngày 17-5-2019 thì không trả lãi nữa. Số tiền 37.500.000 đồng là tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng do bà không đóng lãi trong 7 tháng từ tháng 5-2019 đến tháng 12-2019 nên phải viết giấy nợ đối với số tiền trên. Chữ ký trong 02 giấy nợ bà N cung cấp là do bà ký. Bà không đồng ý yêu cầu của bà N. Bà chỉ đồng ý trả cho bà N 50.000.000 đồng tiền vay và 700.000 đồng tiền mượn. Bà xin không trả lãi.

Vụ án được hòa giải ở Tòa án nhưng không thành.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Thị Mỹ C, Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật Dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[3] Việc bà C thừa nhận chữ ký trong giấy tay ghi nợ (do nguyên đơn cung cấp) là do bà C ký là sự việc không phải chứng minh nên ghi nhận.

[4] Xét bà N yêu cầu bà C trả 88.200.000 đồng tiền gốc (87.500.000 đồng vốn vay và 700.000 đồng tiền mượn) là có căn cứ chấp nhận, vì phù hợp các giấy nhận nợ viết tay mà bà N nộp cho Tòa án được bà C thừa nhận.

[5] Việc bà C cho rằng vay 50.000.000 đồng từ 17-5-2018, lãi suất 10%/tháng và đã trả lãi hàng tháng từ tháng 5/2018 đến tháng 5/2019 là không có căn cứ chấp nhận vì bà N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

[6] Việc bà C cho rằng số tiền 37.500.000 đồng là tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng do bà không đóng lãi trong 7 tháng từ tháng 5-2019 đến tháng 12-2019 nên phải viết giấy nợ đối với số tiền trên là không có căn cứ chấp nhận vì

bà C không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mặt khác, Biên nhận đề ngày 17-6-2019 cũng không phù hợp với nội dung trình bày của bà C.

[7] Bà N và bà C cùng xác định việc vay tiền là có lãi nên ghi nhận.

[8] Xét bà N yêu cầu bà C trả 16.875.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 17-8-2020, gồm: 9.000.0000 đồng (50.000.000 đồng x 1,5%/tháng x 12 tháng từ ngày 17-8-2019 đến ngày 17-8-2020) và 7.875.0000 đồng (37.500.000 đồng x 1,5%/tháng x 14 tháng từ ngày 17-6-2019 đến ngày 17-8-2020) là có căn cứ chấp nhận vì phù hợp quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[9] Bà C xin không trả lãi là không có căn cứ chấp nhận. Thỏa thuận vay có lãi, bà N yêu cầu với lãi suất còn 1.5% tháng và thời gian tính lãi chỉ tính đến ngày 17-8-2020 là có lợi cho bà C, nên chấp nhận theo yêu cầu của bà N.

[10] Tổng cộng bà C phải trả cho bà N 105.075.000 đồng (gồm 87.500.000 đồng vốn vay, 700.000 đồng tiền mượn và 16.875.000 đồng tiền lãi). Cần áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 trong việc tính lãi đối với các số tiền chậm thi hành án.

[11] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà C phải trả cho bà N 105.075.000 đồng nên phải chịu 5.253.750 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà N không phải chịu án phí, trả lại cho bà N 2.626.875 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 92 và 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 463, 466, 468 và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326-2016-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Nguyễn Thị Mỹ C về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ C phải trả cho bà Nguyễn Thị N 105.075.000 đồng (Một trăm lẻ năm triệu, không trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Nguyễn Thị Mỹ C chịu 5.253.750 đồng (Năm triệu, hai trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị N 2.626.875 đồng (Hai triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi lăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008786 ngày 09-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án (Ngày 05-11-2020).

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**Nguyễn Hùng Vương**